

Số: 18/2021/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 198 TQK, phường LTT, quận HK, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T– chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh H– chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A- Chi nhánh Thái Nguyên

Người được ông T ủy quyền: Ông Đoàn Trung K- Phó Trưởng Phòng - Phòng Khách hàng - Ngân hàng A

+ Bị đơn: 1, Ông Nguyễn Mạnh B – sinh năm 1969

2, Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 16, phường TT, TP.TN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà N:

Ông Nguyễn Văn U – sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 8, phường QT, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Mạnh B và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 195/16/HĐTD/TN ngày 07/09/2016, Hợp đồng tín dụng số 210/16/HĐTD/TN ngày 16/09/2016 và Hợp đồng tín dụng số 323/16/HĐTD/TN ngày 26/12/2016 tính đến hết ngày 03/5/2021 là **981.762.565đ** (*chín trăm tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó, **nợ gốc là 634.946.764đ** (*sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng*), **nợ lãi là 346.415.801đ** (*ba trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm linh một đồng*). Ngân hàng A miễn cho ông B và bà N toàn bộ số tiền nợ lãi chậm trả là 21.827.213 (*hai mươi một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm mười ba đồng*).

Thời hạn cuối cùng ông B và bà N phải hoàn thành nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là ngày 31/5/2021 dương lịch.

Nếu ông B và bà N không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, lãi phát sinh vẫn được tính theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên.

Trường hợp ông B và bà N không thực hiện theo đúng thỏa thuận như trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 398, tờ bản đồ số 35 phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận QSD số CA 000649 ngày 06/5/2015 mang tên ông Nguyễn Mạnh B; quyền sử dụng thửa đất số 129, tờ bản đồ số 54 xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận QSD số CC578340 ngày 22/7/2016 mang tên ông Nguyễn Mạnh B.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông B và bà N tiếp tục có nghĩa vụ trả nốt số nợ còn lại cho Ngân hàng A.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, nếu ông B và bà N không thi hành mà Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành thì ông B và bà N phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các bên đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Các đương sự nhất trí thỏa thuận: Bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là **20.726.438đ** (*hai mươi triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*) sung quỹ Nhà nước. Trong đó, ông B, bà N mỗi người phải nộp 10.363.219đ (mười triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm mười chín đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền **56.500.000đ** (*năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003707 ngày

02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An